*Ngày soạn:18/4/2025*

*Ngày dạy: từ 21/4/2025 đến 28/4/2025*

**Tiết 45,46,47. Bài 42: CÂN BẰNG TỰ NHIÊN VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên.

- Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên và phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên.

- Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã, nhất là những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng cần được bảo vệ theo Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).

- Trình bày được tác động của con người đối với môi trường qua các thời kì phát triển xã hội; tác động của con người làm suy thoái môi trường tự nhiên; vai trò của con người trong bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên.

- Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được sơ lược về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường.

- Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và một số biện pháp chủ yếu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.

**2. Năng lực:**

**2.1. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Tự học có hướng dẫn của GV để tìm hiểu về cân bằng tự nhiên, bảo vệ động vật hoang dã, bảo vệ môi trường.

- Giao tiếp và hợp tác: Tổ chức hoạt động nhóm hiệu quả; Sử dụng ngôn ngữ khoa học để diễn đạt về khái niệm cân bằng tự nhiên và phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên, bảo vệ môi trường.

- Giải quyết vấn để và sáng tạo: Giải quyết các vấn đề xảy ra trong quá trình thảo luận các nội dung về cân bằng tự nhiên, bảo vệ môi trường.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên**

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được khái niệm cân bằng tự nhiên. Nêu được khái niệm ô nhiễm môi trường. Trình bày được sơ lược về một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường. Nêu được khái niệm khái quát về biến đổi khí hậu và một số biện pháp chủ yếu nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tìm hiểu tự nhiên: Trình bày được các nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên và phân tích được một số biện pháp bảo vệ, duy trì cân bằng tự nhiên. Trình bày được sự cần thiết phải bảo vệ động vật hoang dã, nhất là những loài có nguy cơ bị tuyệt chủng cần được bảo vệ theo Công ước quốc tế về buôn bán các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp (CITES)..

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Điều tra được hiện trạng ô nhiễm môi trường ở địa phương.

**3. Phẩm chất:**

Chăm chỉ: Kiên trì, cẩn thận trong quá trình quan sát, thu thập và xử lí thông tin; Có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**Trách nhiệm**: Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ, thảo luận. Nhiệt tình và gưong mẫu hoàn thành phẩn việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; Khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm.

**Trung thực**: Khách quan, trung thực trong thu thập và xử lí số liệu, viết và nói đúng với kết quả thu thập.

**Đối với học sinh khuyết tật**

\* HS khuyết tật học hòa nhập: giáo viên động viên, khuyến khích sự nỗ lực, sự tiến bộ của học sinh là chính. Chú trọng đến quá trình rèn luyện kỹ năng sống, khả năng hòa nhập và sự tiến bộ của học sinh;

\* HS khuyết tật có đánh giá: giảm nhẹ yêu cầu về kết quả học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- video ô nhiễm môi trường:

<https://youtu.be/txx3DryaALU>

- video về biến đổi khí hậu:

+ <https://youtu.be/lPI7lgwHfnA>

+ <https://youtu.be/Acpr6Yc3Edk>,

+ <https://youtu.be/k10Ir6tpCKw>

- Phiếu học tập số 1,2, 3

- Bút chì, màu, giấy A3.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

**a) Mục tiêu**:

- Tạo được hứng thú cho học sinh.

- Giới thiệu vấn đề, để học sinh biết khái quát chung cân bằng tự nhiên.

**b) Nội dung**:

- HS quan sát hình ảnh 42.1, trả lời câu hỏi: Quan sát chuỗi thức ăn ở hình 42.1 và cho biết nếu rắn bị tiêu diệt quá mức sẽ dẫn tới hậu quả gì.

**c) Sản phẩm:**

Dự kiến phương án trả lời của HS: Nếu rắn bị tiêu diệt quá mức sẽ dẫn tới hậu quả là: Số lượng đại bàng sẽ giảm do bị thiếu nguồn thức ăn. Còn số lượng chuột sẽ tăng lên nhanh chóng do không còn bị rắn kìm hãm số lượng, dẫn đến gây thiệt hại lớn cho mùa màng do chuột sử dụng lúa làm thức ăn.

**d)Tổ chức thực hiện:**

**- Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV: Yêu cầu học sinh quan sát Hình ảnh 42.1



- Yêu cầu học sinh trả lời nhanh câu hỏi: nếu rắn bị tiêu diệt quá mức sẽ dẫn tới hậu quả gì.

**- Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- Học sinh quan sát hình ảnh trả lời câu hỏi.

**- Báo cáo, thảo luận:**

- GV mời học sinh trả lời.

- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Kết luận, nhận định:**

- GV: Nhận xét, khen ngợi, chuẩn hóa kiến thức.

- GV dẫn dắt vào bài: Thế giới sinh vật rất đa dạng và phong phú tạo nên sự cân bằng tự nhiên, thể hiện ở quần thể, quần xã và hệ sinh thái.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Nội dung 1: Cân bằng tự nhiên**

**a) Mục tiêu:**

**-** Trình bày được khái niệm cân bằng tự nhiên, trạng thái cân bằng của quần thể, của quần xã và ở hệ sinh thái.

**-** Nguyên nhân mất cân bằng tự nhiên

**-** Phân tích được một số biện pháp bảo vệ và duy trì cân bằng tự nhiên.

**b) Nội dung:**

- Hoàn thành ***Phiếu học tập 1:***

|  |
| --- |
| Câu 1: Các cấp tổ chức sống trong tự nhiên? |
| 🡪 |
| Câu 2: Hoàn thành các chuỗi thức ăn sau bằng cách điền tên các sinh vật phù hợp vào chỗ trống? |
| 🡪 Sơ đồ chuỗi thức ăn:  + Lúa -> ………………… -> cú mèo  + Lúa -> ………………… -> con người  + ……………. -> chuột -> ……………… -> diều hâu  + Lúa -> bò -> …………………. |
| Câu 3: Em hãy rút ra nhận xét về các chuỗi thức ăn trên: Số lượng cá thể của các loài sinh sinh vật bị điều chỉnh (khống chế) như thế nào? |
| 🡪 |
| Câu 4: Cân bằng tự nhiên là gì? |
| 🡪 |

+ Quan sát các hình ảnh trên slide, nêu một số hoạt động của người dân ở địa phương em có thể làm mất cân bằng tự nhiên.

- HS nghiên cứu thông tin SGK cùng hiểu biết thực tế trả lời các câu hỏi:

+ Cân bằng tự nhiên có thể bị phá vỡ do những nguyên nhân nào? Đề xuất các biện pháp bảo vệ và duy trì cân bằng tự nhiên

**c) Sản phẩm:**

**-** Hoàn thành Phiếu học tập.

|  |  |
| --- | --- |
| Câu 1: Các cấp tổ chức sống trong tự nhiên? |  |
| 🡪 Cá thể, quần thể, Quần xã, Hệ sinh thái | 2.0 đ |
| Câu 2: Hoàn thành các chuỗi thức ăn sau bằng cách điền tên các sinh vật phù hợp vào chỗ trống? |  |
| 🡪 Sơ đồ chuỗi thức ăn:  + Lúa -> chuột -> cú mèo  + Lúa -> gà -> con người  + Lúa -> chuột -> rắn -> diều hâu  + Lúa -> bò -> con người | 4.0 đ |
| Câu 3: Em hãy rút ra nhận xét về các chuỗi thức ăn trên: Số lượng cá thể của các loài sinh sinh vật bị điều chỉnh (khống chế) như thế nào? |  |
| 🡪 số lượng loài chịu ảnh hưởng bởi môi trường, số lượng các loài sinh vật khác  - Số lượng cá thể ổn định và phù hợp với môi trường theo cơ chế điều hòa mật độ cá thể.  - Số lượng cá thể của mỗi loài được khống chế ở một mức độ nhất định do tác động của các mối quan hệ hỗ trợ hoặc đối kháng giữa các loài, phù hợp với khả năng của môi trường. | 3.0 đ |
| Câu 4: Cân bằng tự nhiên là gì? |  |
| 🡪 Cân bằng tự nhiên là trạng thái ổn định tự nhiên của các cấp tổ chức sống: quần thể, quần xã, hệ sinh thái, hướng tới thích nghi với điều kiện sống. | 1.0 đ |

- Đáp án.

+ Một số hoạt động của người dân có thể làm mất cân bằng tự nhiên:

- Chặt phá rừng.

- Săn bắt, tiêu diệt quá mức các loài động vật hoang dã.

- Du nhập vào hệ sinh thái các loài sinh vật lạ.

- Gây ô nhiễm môi trường sống: xả rác bừa bãi, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, xả nước thải công nghiệp chưa qua xử lí,…

+ Cân bằng tự nhiên bị phá vỡ do:

* Các quá trình tự nhiên như núi lửa, động đất, hạn hán, khí hậu thay đổi đột ngột ….
* Các hoạt động của con người như tiêu diệt các loài sinh vật, du nhập vào hệ sinh thái các loài sinh vật lạ, phá vỡ nơi cư trú ổn định của các loài, gây ô nhiễm môi trường sống, tăng đột ngột số lượng cá thể nào đó của hệ sinh thái

+ Biện pháp:

* Bảo vệ đa dạng sinh học;
* Kiểm soát việc du nhập các loài sinh vật ngoại lai;
* Giảm thiểu các nguồn chất thải gây ô nhiễm

+ Vai trò của động vật hoang dã trong tự nhiên:

* Đa dạng sinh học
* Đóng góp về y học
* Lợi ích nông nghiệp
* Điều tiết môi trường

+ Các biện pháp bảo vệ động vật hoang dã (PHT 2):

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp** | **Ý nghĩa của biện pháp** |
| - Xây dựng kế hoạch hành động quốc gia về tăng cường kiểm soát các hoạt động săn bắn, buôn bán động vật hoang dã. | - Răn đe, ngăn chặn , từ đó, giúp giảm thiểu tối đa các hành vi săn bắn, buôn bán động vật hoang dã. |
| - Tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng về bảo vệ các loài động vật hoang dã,… | - Giúp người dân hiểu rõ về vai trò và tầm quan trọng của việc bảo vệ các loài động vật hoang dã, từ đó, nâng cao ý thức bảo vệ động vật hoang dã. |
| - Bảo vệ các khu rừng và biển; Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, các vườn quốc gia,… | - Giúp bảo vệ môi trường sống của các loài động vật hoang dã. |

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Nội dung*** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu mỗi nhóm nhận PHT1 và hoàn thành trong vòng 5 phút.  - GV: Yêu cầu học sinh đọc sách giáo khoa trang 194 nội dung 2, kiến thức thực tế  - Trả lời câu hỏi:  + Nêu một số hoạt động của người dân ở địa phương em có thể làm mất cân bằng tự nhiên.  + Cân bằng tự nhiên có thể bị phá vỡ do những nguyên nhân nào? Đề xuất các biện pháp bảo vệ và duy trì cân bằng tự nhiên  **- Thực hiện nhiệm vụ:**  - Đại diện mỗi nhóm HS lên nhận PHT1 và hoàn thành trong 5 phút.  - Các nhóm thảo luận và hoàn thành PHT1.  - HS vận dụng kiến thức thực tế trả lời câu hỏi 2/SKG\_194  - HS thực hiện hoạt động nhóm 4 theo KT Khăn trải bàn, nghiên cứu thông tin và trả lời câu hỏi:  Cân bằng tự nhiên có thể bị phá vỡ do những nguyên nhân nào? Đề xuất các biện pháp bảo vệ và duy trì cân bằng tự nhiên  **- Báo cáo, thảo luận:**  **-** 2 nhóm nhanh nhất treo PHT1 trên bảng và đại diện 1 nhóm trình bày trước lớp.  **-** Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung và chấm chéo PHT1 cho mỗi câu trả lời đúng.  + GV mời học sinh trả lời.  + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung  **- Kết luận, nhận định khái niệm cân bằng tự nhiên**    - Mở rộng: GV chiếu hình ảnh cây mai dương yêu cầu HS nêu nguyên nhân mất CBTN ở vùng Đồng Tháp Mười và rừng Tràm U Minh | I. Cân bằng tự nhiên  1. Khái niệm cân bằng tự nhiên  Cân bằng tự nhiên là trạng thái ổn định tự nhiên của các cấp tổ chức sống: quần thể, quần xã, hệ sinh thái, hướng tới thích nghi với điều kiện sống.  2. Nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên  Cân bằng tự nhiên bị phá vỡ do các quá trình tự nhiên như núi lửa, động đất, hạn hán, Khí hậu thay đổi đột ngột hay do hoạt động của con người như tiêu diệt các loài sinh vật, du nhập vào hệ sinh thái các loài sinh vật lạ, phá vỡ nơi cư trú ổn định của các loài, gây ô nhiễm môi trường sống, tăng đột ngột số lượng cá thể nào đó của hệ sinh thái…  3. Bảo vệ động vật hoang dã  + Động vật hoang dã có vai trò quan trọng trong tư nhiên giúp cân bằng tự nhiên nhưng một số loài có nguy cơ tuyệt chủng vì vậy cần được bảo vệ.  + Các biện pháp bảo vệ động vật hoang dã: Bảo vệ rừng và biển, xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức cộng động bảo vệ động vật hoang dã,… |

**Nội dung 2: Bảo vệ môi trường**

**a) Mục tiêu**:

- Liệt kê các hoạt động của con người tác động đến môi trường.

- Phân tích vai trò của con người trong việc bảo vệ và cải tạo môi trường tự nhiên.

- Trình bày được nguyên nhân và biện pháp bảo vệ môi trường.

- Đề xuất được một số biện pháp bảo vệ môi trường địa phương.

- Trình bày được khái niệm biến đổi khí hậu.

- Phân tích được hậu quả của biến đổi khí hậu.

**b) Nội dung**: Quan sát hình ảnh 42.3, thảo luận trả lời câu hỏi:

- Quan sát hình 42.3 và cho biết con người đã tác động đến môi trường bằng những cách nào qua các thời kì.

- Việc phá hủy rừng đã gây ra những hậu quả gì cho môi trường tự nhiên?

- Vẽ sơ đồ tư duy: Nguyên nhân, biện pháp phòng chống Ô nhiễm môi trường

- Quan sát đoạn video về biến đổi khí hậu, thực hiện các nội dung kèm theo

+ <https://youtu.be/lPI7lgwHfnA>: Định hướng về nội dung tìm hiểu “Biến đổi khí hậu”

+ <https://youtu.be/Acpr6Yc3Edk>, Trả lời câu hỏi:

- Biến đổi khí hậu là gì?

- Biến đối khí hậu đã ảnh hưởng như thế nào đối với tự nhiên và đời sống con người?

- Một số biện pháp thích ứng với BĐKH?

+ <https://youtu.be/k10Ir6tpCKw>: Liệt kê các biểu hiện khí hậu tại VN

**c) Sản phẩm:**

**Con người tác động đến môi trường qua các thời kì:**

- Thời kì nguyên thủy: Con người chủ yếu khai thác thiên nhiên thông qua hình thức hái lượm và săn bắn. Tác động đáng kể của con người đối với môi trường là con người biết dùng lửa để nấu nướng thức ăn, sưởi ấm và xua đuổi thú dữ,… làm cho nhiều cánh rừng rộng lớn bị đốt cháy.

- Thời kì xã hội nông nghiệp: Hoạt động trồng trọt và chăn nuôi ở thời kì này đã dẫn tới việc chặt phá và đốt rừng lấy đất canh tác, chăn thả gia súc và định cư. Hoạt động cày xới đất canh tác góp phần làm thay đổi đất và tầng nước mặt, dẫn tới nhiều vùng đất bị khô cằn và suy giảm độ màu mỡ.

- Thời kì xã hội công nghiệp: Máy móc ra đời đã tác động mạnh mẽ đến môi trường sống; nền nông nghiệp cơ giới hóa tạo ra nhiều vùng trồng trọt lớn; công nghiệp khai khoáng phát triển đã phá đi rất nhiều diện tích rừng trên Trái Đất. Đô thị hóa ngày càng tăng đã lấy đi nhiều vùng đất rừng tự nhiên và đất trồng trọt. Bên cạnh đó, một số hoạt động của con người cũng góp phần cải tạo môi trường.

**Hậu quả của việc phá hủy rừng đối với môi trường tự nhiên:**

- Làm mất đi nguồn thức ăn, nơi ở của nhiều sinh vật → Làm phá hủy và suy thoái các hệ sinh thái tự nhiên, làm mất đa dạng sinh học.

- Làm gia tăng lượng khí CO2 trong không khí → Gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính dẫn đến biến đổi khí hậu với hàng loạt các thảm họa môi trường nặng nề như lũ lụt, hạn hán,…

- Làm mất độ che phủ và giữ đất → Gây ra hiện tượng xói mòn, sạt lở đất, giảm lượng nước ngầm,…

- Sơ đồ tư duy hoàn chỉnh.

**d)Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **- Giao nhiệm vụ học tập:**  **GV:** Quan sát hình ảnh 42.3, thảo luận trả lời câu hỏi Quan sát hình 42.3 và cho biết con người đã tác động đến môi trường bằng những cách nào qua các thời kì.  - Việc phá hủy rừng đã gây ra những hậu quả gì cho môi trường tự nhiên?  - GV: Yêu cầu học sinh đọc thông tin SGK/196 vẽ tóm tắt ngắn gọn nội dung qua sơ đồ tư duy: ô nhiễm môi trường.  - Quan sát đoạn video về biến đổi khí hậu, thực hiện các nội dung kèm theo  + <https://youtu.be/lPI7lgwHfnA>: Định hướng về nội dung tìm hiểu “Biến đổi khí hậu”  + <https://youtu.be/Acpr6Yc3Edk>, Trả lời câu hỏi:  - Biến đổi khí hậu là gì?  - Biến đối khí hậu đã ảnh hưởng như thế nào đối với tự nhiên và đời sống con người?  - Một số biện pháp thích ứng với BĐKH?  + <https://youtu.be/k10Ir6tpCKw>: Liệt kê các biểu hiện khí hậu tại VN  **- Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + Học sinh quan sát tranh, thảo luận trả lời câu hỏi.  - HS đọc thông tin SGK/196 vẽ tóm tắt ngắn gọn nội dung qua sơ đồ tư duy trên giấy A3 đã chuẩn bị.  - HS xem đoạn thông tin và trả lời câu hỏi nhanh.  **- Báo cáo, thảo luận:**  + GV mời học sinh trả lời (phân tích minh họa trên tranh)  + GV mời HS khác nhận xét, bổ sung  - GV yêu cầu các nhóm treo sơ đồ tư duy lên bảng.  - Các nhóm quan sát, đối chiếu với nhóm của mình và đánh giá vào thang đánh giá.  - HS quan sát và trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung.  **Kết luận, nhận định** | **II. Bảo vệ môi trường**  **1. Tác động của con người đối với môi trường**  Tác động của con người gây suy thoái môi trường đồng thời cải tạo môi trường  **2: Ô nhiễm môi trường**  Là hiện tượng khi các tính chất vật lí, hóa học, sinh học của môi trường bị thay đổi, gây tác hại tới đời sống con người và các sinh vật khác  3. Biến đổi khí hậu  + Biến đổi khí hậu là những thay đổi của các yếu tố khí hậu như nhiệt độ, lượng mưa,… vượt ra khỏi trạng thái trung bình đã được duy trì trong một khoảng thời gian dài, thường là vài thập kỉ hoặc hơn. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**

- Hệ thống kiến thức trọng tâm trong phần cân bằng tự nhiên.

**b) Nội dung:**

- Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1: Hoạt động nào sau đây gây mất cân bằng tự nhiên?**

A. Săn bắt động vật hoang dã. B. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên.

C. Không sử dụng thuốc trừ sâu trong nông nghiệp. D. Trồng thêm cây xanh.

**Câu 2: Nguyên nhân gây mất cân bằng tự nhiên?**

A. Do yếu tố tự nhiên: núi lửa, động đất,…

B. Do hoạt động của con người: khai thác khoáng sản, thải nước thải ra môi trường…

C. Do hoạt động bảo về rừng, cấm săn bắt động vật,…

D. Cả A và B

**c) Sản phẩm:**

- Đáp án: 1A, 2D

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của giáo viên và học sinh*** | ***Nội dung*** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm.  **- Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS trả lời nhanh các câu hỏi.  **- Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS động não trả lời các câu hỏi nhanh.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung |  |

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**:

- Ôn luyện các kiến thức về Biến đổi khí hậu.

**-** Nêu được một số loài sinh vật du nhập vào gây mất cân bằng sinh thái, phá hoại cân bằng tự nhiên.

**-** HS đề xuất được một vài hành động của bản thân góp phần bảo vệ môi trường.

**b) Nội dung**:

Vẽ Poster thể hiện nội dung Biến đổi khí hậu

- Trả lời các câu hỏi:

**Câu 1:** [Lấy thêm ví dụ thể hiện sự cân bằng tự nhiên.](https://toptailieu.vn/bai-viet/47758/lay-them-vi-du-the-hien-su-can-bang-tu-nhien)

**Câu 2:** Kể tên một số loài sinh vật ngoại lai mà em biết, trong đó loài nào gây hại cho hệ sinh thái tự nhiên của địa phương?

**Câu 3.** Nêu một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.

**Câu 4.** Hiện tượng cháy rừng đã tác động như thế nào đến môi trường?

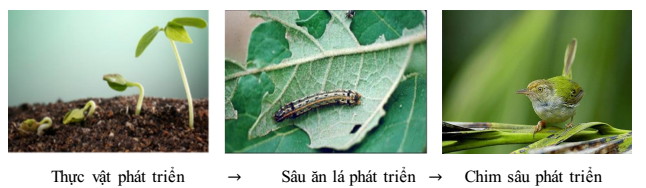
**Câu 5.** Nêu thêm một số biện pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

**c) Sản phẩm:**

- Poster.

**Câu 1.** Ví dụ thể hiện sự cân bằng tự nhiên:

Sự cân bằng tự nhiên xảy ra giữa quần thể sâu và chim ăn sâu: Khi số lượng chim tăng cao, chim ăn nhiều sâu → số lượng sâu giảm → không đủ thức ăn cho chim sâu → số lượng chim sâu giảm → số lượng sâu tăng. Như vậy, số lượng sâu và chim ăn sâu luôn được duy trì ở mức cân bằng.



**Câu 2: HS kể một số loài: ốc bươu, rùa tai đỏ…**

**Câu 3.** Một số nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường:

- Do khí thải từ quá trình đốt cháy nhiên liệu trong sản xuất công nghiệp và giao thông vận tải; quá trình đun nấu trong các hộ gia đình; do cháy rừng.

- Do lạm dụng hóa chất bảo vệ thực vật: thuốc trừ sâu, diệt cỏ, diệt nấm bệnh,…

- Do các chất phóng xạ từ các nhà máy điện nguyên tử; từ các vụ thử vũ khí hạt nhân.

- Do chất thải không được thu gom và xử lí đúng cách tạo môi trường cho các vi sinh vật gây bệnh phát triển.

- Do quá trình xây dựng, sinh hoạt, khai thác,… thải ra các vật liệu rắn.

- Do nước thải từ các nhà máy, hoạt động sản xuất,…

**Câu 4.** Tác động của hiện tượng cháy rừng đến môi trường:

- Gây ô nhiễm môi trường không khí: Khói bụi, khí thải từ cháy rừng gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Làm mất đi môi trường sống và tính mạng của nhiều loài sinh vật dẫn đến mất đa dạng sinh học.

- Làm giảm độ che phủ của rừng dẫn đến nhiều hậu quả môi trường lâu dài khác như: thoái hóa, xói mòn đất; suy giảm nguồn nước ngầm; gia tăng hiện tượng hiệu ứng nhà kính;….

**Câu 5.** Một số biện pháp khác giúp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường:

- Phục hồi rừng và trồng nhiều cây xanh.

- Hạn chế phát triển dân số quá nhanh.

- Sử dụng các vật liệu thay thế thân thiện với môi trường.

- Đi bộ hoặc sử dụng xe đạp thay thế cho xe máy, ô tô khi có thể.

- Xây dựng hệ thống xử lí chất thải chăn nuôi.

- Đưa ra các giải pháp cưỡng chế hành chính, xử lý hình sự đủ tính răn đe đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Tuyên truyền và giáo dục để nâng cao hiểu biết và ý thức của mọi người trong việc bảo vệ môi trường.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên và học sinh** | **Nội dung** |
| **- Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: Yêu cầu các nhóm chuẩn bị các dụng cụ vẽ đã chuẩn bị trước: Giấy A3 đã vẽ khái quát nội dung bằng bút chì, màu. Sau khi hoàn thành, các nhóm treo lần lượt sản phẩm trên bảng theo kỹ thuật phòng tranh  - GV đưa ra các câu hỏi.  **- Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - Các nhóm HS thực hiện vẽ Poster ở nhà.  - HS trả lời nhanh các câu hỏi.  **- Báo cáo, thảo luận: (vào tiết học sau)**  - GV yêu cầu các nhóm treo sơ đồ Poster lên bảng và đại diện nhóm trình bày ý nghĩa của Poster. (mỗi HS một bản, nhóm lựa chon 1, 2 bài/nhóm để trưng bày và báo cáo)  - Các nhóm khác chú ý lắng nghe và đánh giá  **-** HS động não trả lời các câu hỏi nhanh.  - HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **- Kết luận, nhận định:**  - GV: Nhận xét, bổ sung.  - Một số loài sinh vật ngoại lai như cá rô phi, rùa tai đỏ, ốc bươu vàng,… phá hoại mùa màng và gây mất cân bằng tự nhiên. |  |

**e) Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

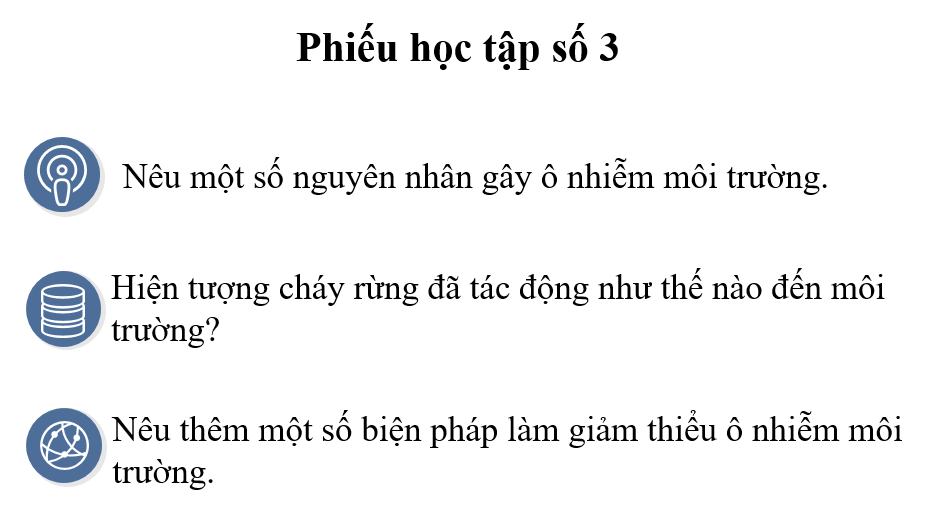
**\* HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHT1**

|  |
| --- |
| Câu 1: Các cấp tổ chức sống trong tự nhiên? |
| 🡪 |
| Câu 2: Hoàn thành các chuỗi thức ăn sau bằng cách điền tên các sinh vật phù hợp vào chỗ trống? |
| 🡪 Sơ đồ chuỗi thức ăn:  + Lúa -> ………………… -> cú mèo  + Lúa -> ………………… -> con người  + ……………. -> chuột -> ……………… -> diều hâu  + Lúa -> bò -> …………………. |
| Câu 3: Em hãy rút ra nhận xét về các chuỗi thức ăn trên: Số lượng cá thể của các loài sinh sinh vật bị điều chỉnh (khống chế) như thế nào? |
| 🡪 |
| Câu 4: Cân bằng tự nhiên là gì? |
| 🡪 |

**PHT2. Các biện pháp bảo vệ Động vật hoang dã**

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp** | **Ý nghĩa của biện pháp** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |



**THANG ĐÁNH GIÁ SƠ ĐỒ TƯ DUY**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đánh giá và điểm | | | Điểm |
| **Mức 3 (2,0-2,5đ)** | **Mức 2 (1,0-1,5đ)** | **Mức 1 (0-0,5đ)** |
| Nội dung  (2,5 điểm) | Đầy đủ, chính xác. | Chính xác nhưng chưa đầy đủ. | Chưa chính xác, còn thiếu. |  |
| Hiệu quả  hợp tác nhóm  (2,5 điểm) | Tất cả các thành viên nhóm đều tham gia tích cực, tinh thần làm việc nghiêm túc.  Nhóm trưởng phát huy tốt vai trò lãnh đạo | Có một số thành viên tham gia nhưng không tích cực.  Nhóm trưởng hoàn thành vai trò lãnh đạo | Một số thành viên không hợp tác.  Nhóm trưởng chưa thể hiện được vai trò của người lãnh đạo |  |
| Đóng góp  ý kiến  (2,0 điểm) | Tích cực đóng góp ý kiến  Có những ý tưởng hay, sáng tạo. | Tích cực đóng góp ý kiến nhưng chưa có tính khả thi cao. | Ít đóng góp ý kiến và không có tính khả thi. |  |
| Sản phẩm  Sơ đồ tư duy  (2,0 điểm) | Sản phẩm đúng yêu cầu, đẹp, sáng tạo. | Sản phẩm đúng yêu cầu nhưng chưa đẹp. | Sản phẩm chưa đúng yêu cầu, chưa đẹp. |  |
| Bài trình bày của nhóm  (1,0 điểm) | Thuyết trình rõ ràng, đúng yêu cầu, hấp dẫn, dễ hiểu | Thuyết trình đúng yêu cầu nhưng chưa hấp dẫn. | Thuyết trình chưa đầy đủ nội dung, còn lúng túng. |  |
| Tổng điểm | | | |  |

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HỌC TẬP SƠ ĐỒ TƯ DUY**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| Hình thức | 20 |  |  |
| Nội dung | 20 |  |  |
| Thuyết minh | 20 |  |  |
| Trả lời câu hỏi | 20 |  |  |
| Sự phân công, phối hợp thành viên trong nhóm | 20 |  |  |
| **Tổng** | **100** |  |  |

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HỌC TẬP THỰC HIỆN DỰ ÁN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Kết quả** | **Ghi chú** |
| Thiết kế bảng điều tra | 20 |  |  |
| Kết quả điều tra | 20 |  |  |
| Báo cáo kết quả điều tra | 20 |  |  |
| Trả lời câu hỏi | 20 |  |  |
| Sự phân công, phối hợp thành viên trong nhóm | 20 |  |  |
| **Tổng** | **100** |  |  |

**\*Hướng dẫn tự học:**

**-Kiến thức vừa học:** Tự cho ví dụ một số loài sinh vật viết chuỗi và lưới thức ăn thể hiện sự cân bằng sinh học.

**-Kiến thức sắp học:** Bài 43. Khái quát về sinh quyển và các khu sinh học

-Tìm hiểu khái niệm Sinh quyển và đặc điểm chính của các khu sinh học.

-Một số biện pháp bảo vệ môi trường.

*Ngày soạn:18/4/2025*

*Ngày dạy: từ 03/5/2025 đến 05/5/2025*

**Tiết 48, 49 BÀI 43: KHÁI QUÁT VỀ SINH QUYỂN VÀ CÁC KHU SINH HỌC**

**2 tiết**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Nêu được khái niệm sinh quyển

- Nêu được đặc điểm chính của các khu vực sinh học

**2. Năng lực**

**2.1. Năng lực chung**

-Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực phối hợp với các thành viên trong nhóm và các bạn trong lớp hoàn thành các nhiệm vụ học tập

- Giao tiếp và hợp tác: Xác định đúng nội dung hợp tác nhóm, tích cực thực hiện các nhiệm vụ cá nhân

- Giải quyết vấn để và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng đã được học để giải quyết các vấn để liên quan trong học tập và trong thực tiễn.

2.2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nêu được khái niệm sinh quyển

- Năng lực tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên: Tìm hiểu được các khu sinh học trên Trái Đất.

- Vận dụng kiến thức và kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức đã học vào việc giải quyết các tình huống xảy ra trong thực tiễn

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức tìm hiểu vể chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học.

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, kiên nhẫn thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**PHT SỐ 1**

|  |
| --- |
| **Câu 1:** Tìm những ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở mỗi khu sinh học.  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. |
| **Câu 2:** Hệ động vật, thực vật ở các hệ sinh thái nước đứng và nước chảy có đặc điểm gì thích nghi với điều kiện môi trường sống?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….. |

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

a) Mục tiêu: Tạo sự hứng thú cho HS tìm hiểu về sinh quyển và các khu vực sinh học

b) Nội dung: GV đưa ra câu hỏi: *“Trái Đất là ngôi nhà chung của hành triệu sinh vật. Cho đến nay, Trái Đất là nơi duy nhất trong vũ trụ được biết đến là có sự sống. Các loài sinh vật sinh sống ở đâu trên Trái Đất?”*

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | Nội dung |
| **Nhiệm vụ học tập:**  GV đưa ra câu hỏi: “Trái Đất là ngôi nhà chung của hàng triệu sinh vật. Cho đến nay, Trái Đất là nơi duy nhất trong vũ trụ được biết đến là có sự sống. Các loài sinh vật sinh sống ở đâu trên Trái Đất?”  HS nhận nhiệm vụ |  |
| **Thực hiện nhiệm vụ:**  GV cho HS quan sát hình, thảo luận nhóm đôi và đưa ra câu trả lời  HS hoạt động nhóm đôi và trả lời các hỏi |
| **Báo cáo, thảo luận:**  - GV mời các nhóm đôi xung phong trả lời  - GV mời cặp đôi khác nhận xét  - GV nhận xét phần trình bày từng của HS.  - Nhóm đôi xung phong trả lời từng câu hỏi  - Nhóm khác nhận xét |
| **Kết luận, nhận định:**  “Trái Đất là ngôi nhà chung của hành triệu sinh vật. Cho đến nay, Trái Đất là nơi duy nhất trong vũ trụ được biết đến là có sự sống. Các loài sinh vật sinh sống ở đâu trên Trái Đất?” Để có được câu trả lời đầy đủ và chính xác nhất cho câu hỏi này, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu **Bài 43. Khái quát về Sinh quyển và các khu vực sinh học** | |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về sinh quyển**  **Mục tiêu:** Nêu được khái niệm sinh quyển | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** | |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS theo dõi hình 43.1 SGK, hoạt động nhóm đôi, đọc thông tin trong SGK, nêu khái niệm sinh quyển, thành phần cấu tạo chính của sinh quyển.    **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS theo dõi hình ảnh,đọc thông tin trong SGK, thảo luận nhóm hoàn thành nhiệm vụ.  **Báo cáo, thảo luận:**  **-**Đại diện nhóm HS trình bày.  - Một số HS nhóm khác nhận xét, bổ sung cho bạn.  **Kết luận, nhận định:**  - GV nhận xét kết quả thảo luận nhóm, thái độ làm việc của các HS trong nhóm.  - GV tổng quát lại kiến thức trọng tâm  *+ Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng các nhân tố vô sinh của môi trường.*  *+ Trong sinh quyển, sinh vật và các nhân tố vô sinh liên quan chặt chẽ với nhau thông qua các chu trình sinh địa hóa, hình thành nên hệ thống tự nhiên trên phạm vi toàn cầu.* | I. Sinh quyển  - Các thành phần cấu trúc của sinh quyển gồm: Khí quyển, địa quyển và thủy quyển.  - Sinh quyển là toàn bộ sinh vật sống trên Trái Đất cùng các nhân tố vô sinh của môi trường | |
| **Phương pháp đánh giá và công cụ đánh giá: quan sát, bảng kiểm**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiêu chí** | **Có** | **Không** | | Nêu được khái niệm sinh quyển. |  |  | | Trình bày được thành phần cấu tạo chính của sinh quyển |  |  | | | |
| ***Hoạt động 2: Tìm hiểu các khu vực sinh học***  **Mục tiêu:** Nêu được đặc điểm chính của các khu vực sinh học | | |
| Phân chia các khu sinh học dựa vào yếu tố đặc trưng về đất đai và khí hậu của một vùng địa lí xác định.  Những khu sinh học chủ yếu gồm: khu sinh học trên cạn (đồng rêu đới lạnh, rừng lá kim phương bắc, rừng rụng lá theo mùa ôn đới, thảo nguyên, savan, sa mạc và hoang mạc, sa mạc rừng nhiệt đới) và khu sinh học dưới nước (khu sinh học nước ngọt, khu sinh học nước mặn).  **PHT SỐ 1**  **Câu 1:** Ví dụ về sự thích nghi của sinh vật với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng ở mỗi khu sinh học:  Gấu bắc cực thích nghi với điều kiện quanh năm băng giá ở khu sinh học đồng rêu đới lạnh: Có bộ lông và lớp mỡ dày giúp giữ ấm, không có lông mi do lông mi có thể gây đóng băng trên mắt, bộ lông màu trắng giúp chúng ngụy trang, có tập tính ngủ đông và hoạt động trong mùa hạ vào ban ngày.  Cây xương rồng thích nghi với điều kiện khí hậu khô hạn, nhiệt độ không khí nóng vào ban ngày và lạnh vào ban đêm ở khu sinh học sa mạc và hoang mạc: Thân cây biến dạng thành thân mọng nước giúp dự trữ nước cho cây, thân cũng có các rãnh chạy dọc chiều dài thân giúp chuyển nước mưa, nước sương thành một dòng xuống rễ; Lá xương rồng biến thành gai hạn chế được sự thoát hơi nước; Rễ cây dài, lan rộng giúp cây hấp thu nước;…  Cây đước thích nghi với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng tại khu sinh học rừng ngập mặn: Bộ rễ chia làm hai phần là rễ cọc và rễ phụ, rễ cọc cắm thẳng, rễ phụ phát triển thành chùm, mọc từ phần thân gần gốc giúp cây chống đỡ, hạn chế ảnh hưởng của sóng và gió; Quả đước có dạng hình trụ dài, khi già sẽ tự rụng cắm thẳng xuống lớp bùn và hình thành cây mới,...  **Câu 2:** Đặc điểm thích nghi của hệ động vật, thực vật ở các hệ sinh thái nước đứng và nước chảy với điều kiện môi trường sống:  Hệ sinh thái nước đứng:  Vùng nước nông có các loài thực vật có rễ bám trong bùn, khả năng chịu đựng khi mực nước thay đổi; có các động vật đáy có cơ chế dinh dưỡng chủ yếu là ăn mùn bã hữu cơ.  Vùng nước sâu vừa có các sinh vật phù du có cấu tạo thích nghi cho phép chúng nổi tự do trong nước.  Vùng nước sâu có các động vật thích nghi với bóng tối, một số có có quan khứu giác phát triển giúp chúng xác định con mồi trong môi trường thiếu ánh sáng.  Hệ sinh thái nước chảy:  Thực vật sống ở hệ sinh thái nước chảy thường có rễ sâu để bám giữ hoặc thân nổi thích nghi với điều kiện nước chảy; lá và thân mềm, thuôn dài giúp giảm lực cản từ dòng nước.  Động vật sống ở vùng thượng lưu – nơi thường có nước chảy xiết thường có khả năng bơi giỏi. | | II. Các khu sinh học  1. Một số khu sinh học trên cạn  Đồng rêu đới lạnh, rừng lá kim phương bắc, rừng rụng lá theo mùa ôn đới, thảo nguyên, sa van, hoang mạc  2. Một số khu sinh học dưới nước  Khu sinh học nước ngọt (đầm, ao, hồ, sông suối)  Khu sinh học nước mặn (Đầm, phá, rừng ngập mặn, sông, suối,…) |
| **Phương pháp đánh giá và công cụ đánh giá: thang đo, rubric**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đánh giá và điểm** | | | **Điểm** | | **Mức 1 (5đ)** | **Mức 2 (7đ)** | **Mức 3 (10đ)** | | ***Tổ chức hoạt động nhóm khi tiến hành thảo luận*** | Hầu các thành viên đều không thực hiện nhiệm vụ trong PHT, chỉ có 1,2 HS chủ chốt làm  **(2 điểm)** | Hầu hết các thành viên đều thực hiện nhiệm vụ trong PHT, chỉ có 3,4 HS không làm  **(3 điểm)** | Tất cả các thành viên đều thực hiện nhiệm vụ trong PHT  **(5 điểm)** |  | | ***Nêu được đặc điểm chính của các khu vực sinh học*** | Nêu được 1 – 2 vai trò **(3 điểm)** | Nêu được 3 vai trò  **(4 điểm)** | Nêu được 4 vai trò **(5 điểm)** |  | | **Tổng điểm** | | | |  | | | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

a) Mục tiêu: Sử dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi trong SGK

b) Nội dung: HS trả lời các câu hỏi trong phần bài tập SGK

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS được viết ra giấy

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV: Trong 5 phút, mỗi nhóm 4 HS thảo luận và viết nội dung trả lời cho các câu hỏi phần Bài tập trong SGK  Câu 1: Phát biểu nào sau đây không đúng với sinh quyển?  A. Giới hạn ở trên là nơi tiếp giáp với tầng ô dôn.  B. Giới hạn dưới của đại dương đến nơi sâu nhất.  C. Ranh giới trùng hoàn toàn với lớp vỏ Trái Đất.  D. Ranh giới trùng hợp với toàn bộ lớp vỏ địa lí.  Câu 2: Sinh quyển là một quyển của Trái Đất có  A. Toàn bộ thực vật sinh sống. B. tất cả sinh vật, thổ nhưỡng.  C. toàn bộ sinh vật sinh sống. D. thực, động vật; vi sinh vật.  Câu 3: Nhận định nào sau đây đúng nhất với sinh quyển?  A. Sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.  B. Thực vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.  C. Động vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.  D. Vi sinh vật không phân bố đều trong toàn bộ chiều dày của sinh quyển.  Câu 4: Khu sinh học chủ yếu là  A. Khu sinh học trên cạn B. Khu sinh học nước ngọt  C. Khu sinh học biển D. Tất cả các đáp án trên  Câu 5: Kiểu thảm thực vật nào sau đây thuộc môi trường đới nóng?  A. Đài nguyên. B. Bán hoang mạc. C. Rừng nhiệt đới ẩm. D. Rừng hỗn hợp.  Câu 6: Nước là thành phần tham gia vào hầu hết các hoạt động sống của sinh vật, là..........của nhiều loài sinh vật.  A. thành phần. B. điều kiện sống. C. môi trường sống. D. thức ăn.  **Thực hiện nhiệm vụ:**  GV: Quan sát các nhóm HS thực hiện vụ và điều khiển HS thực hiện theo thời gian dự kiến  HS: Thảo luận và viết câu trả lời  **Báo cáo, thảo luận:**  GV:  - Mời đại diện nhóm trả lời các câu hỏi  - Mời nhóm khác nhận xét, bổ sung  HS: Báo cáo thảo luận trả lời các câu hỏi  **Kết luận, nhận định:**  Nhận xét, đánh giá tinh thần làm việc nhóm và kết quả học tập của các nhóm | 1.C  2. C  3. A  4. D  5. C  6. C |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

a) Mục tiêu: Chứng minh được cơ thể là một thể thống nhất để bảo vệ sức khỏe

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi; vận dụng kiến thức g

c) Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi Chứng minh được cơ thể là một thể thống nhất

d) Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV và HS** | **Nội dung** |
| **Giao nhiệm vụ học tập:**  GV: Trả lời câu hỏi dưới đây vào PHT, tiết học sau nộp lại cho GV  Câu hỏi: Trình bày hiểu biết của em về 1 khu dự trữ sinh học tại Việt Nam  HS: Nhận nhiệm vụ  **Thực hiện nhiệm vụ:**  Thực hiện tại nhà. GV đưa ra hướng dẫn cần thiết.  **Báo cáo, thảo luận:**  Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời | HS trình bày được về một khu dự trữ sinh quyển ở Việt Nam |

**\*Hướng dẫn tự học:**

**-Kiến thức vừa học: Học những nội dung đã học hôm nay**

**-Kiến thức sắp học:** Ôn tập cuối kì 2

Ôn lại nội dung đã học ở học HKII

# BGH KIỂM TRA TỔ KIỂM TRA GIÁO VIÊN SOẠN

**Nguyễn Thị Kim Thoa Nguyễn Thị Mỹ Loan**